TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 106/2023/QĐST-HNGĐ	*TP. Tuyên Quang, ngày 11 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Xóm 2, xã Ứ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ dân phố 03, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Thảo C, sinh ngày 06/11/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/ tháng, kể từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi cháu Nguyễn Thảo C đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng

tháng. Anh Nguyễn Văn B có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H đều xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn B tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0000713 ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn B đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường N, TP Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan